

Lợi suất TPCP giảm; NHNN bơm 44,5 nghìn tỷ đồng trong tháng 7

Phạm Vũ Thăng Long
 Giám đốc, Kinh Tế Vĩ Mô
 long.pvthang@hsc.com.vn
 +84 24 3933 4693 Ext. 4805

Vũ Việt Linh
 Trưởng Phòng, Ngành Kinh Tế Vĩ Mô
 linh.vuviet@hsc.com.vn
 +84 24 3933 4693 Ext. 4870

- Tổng phát hành TPCP tăng mạnh lên 36,5 nghìn tỷ đồng, nâng tổng giá trị phát hành 7 tháng đầu năm 2024 lên 193 nghìn tỷ đồng (giảm 12% so với cùng kỳ, bằng 48% kế hoạch cả năm).
- Giá trị giao dịch bình quân ngày trên thị trường thứ cấp giảm xuống 11,4 nghìn tỷ đồng trong tháng 7/2024, với lợi suất bình quân giảm 4 điểm cơ bản so với tháng trước xuống 2,5%. NHĐT NN chuyển sang bán ròng 559 tỷ đồng trong tháng 7/2024 sau khi mua ròng trong 3 tháng vừa qua.
- Lãi suất liên ngân hàng giảm xuống nhưng vẫn ở mức cao trên hầu hết các kỳ hạn (Qua đêm: 4,37%, 1 tháng: 4,71%, 3 tháng: 5,34%), trong khi thanh khoản bình quân ngày tăng mạnh lên 337 nghìn tỷ đồng.
- Trên thị trường OMO, NHNN bơm 44,5 nghìn tỷ đồng vào thị trường tiền tệ trong tháng 7/2024, nhưng lũy kế 7 tháng đầu năm 2024 vẫn rút ròng 49,6 nghìn tỷ đồng.

Phát hành TPCP tăng mạnh

Phát hành TPCP tăng mạnh lên 36,5 nghìn tỷ đồng trong tháng 7/2024 (tăng 24% so với tháng trước và tăng 10% so với cùng kỳ), lượng phát hành lớn nhất kể từ tháng 2/2023 và bằng 24% tổng giá trị phát hành dự kiến trong Q3 (150 nghìn tỷ đồng). TPCP kỳ hạn 10 năm vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tháng 7/2024 với tổng giá trị phát hành đạt 30 nghìn tỷ đồng (tăng 15% so với tháng trước, chiếm hơn 80% tổng giá trị phát hành). Lũy kế 7 tháng đầu năm 2024, tổng giá trị phát hành TPCP đạt 193 nghìn tỷ đồng (giảm 12% so với cùng kỳ), bằng 48% kế hoạch cả năm. Lợi suất trúng thầu bình quân tháng 7/2024 ổn định ở mức 2,73% (tăng 15 điểm cơ bản so với cùng kỳ) sau khi tăng 4 tháng liên tiếp. Mặt khác, tỷ lệ phát hành thành công trong tháng giảm xuống 57%.

Tổng giá trị giao dịch tăng gấp đôi so với cùng kỳ

Trên thị trường thứ cấp, thanh khoản bình quân ngày trong tháng 7 giảm 20% so với tháng trước nhưng tăng gấp đôi so với cùng kỳ, đạt 11,4 nghìn tỷ đồng, tương đương tổng giá trị giao dịch tháng 7/2024 đạt 263 nghìn tỷ đồng. Giao dịch bán đứt (outright) giảm xuống 6,3 nghìn tỷ đồng trong khi giao dịch repo tăng lên 5,1 nghìn tỷ đồng. Trong khi đó, lợi suất TPCP bình quân tháng 7/2024 tăng nhẹ 5 điểm cơ bản so với cùng kỳ nhưng giảm 4 điểm cơ bản so với tháng trước còn 2,5%.

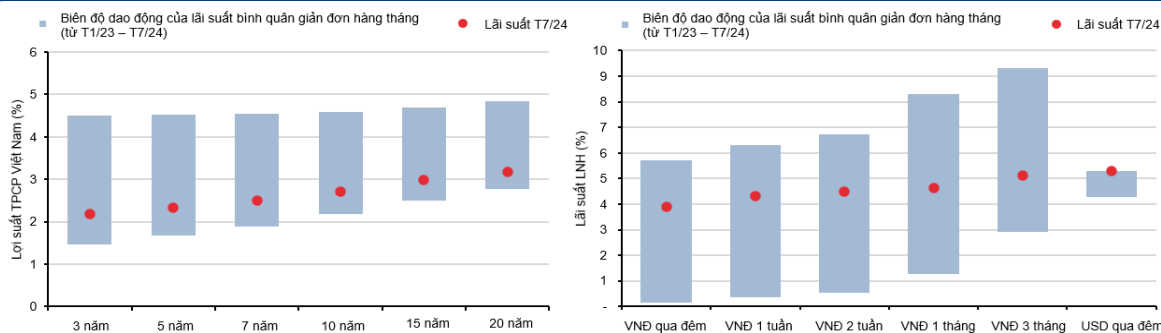
Nhìn chung, lợi suất bình quân TPCP Việt Nam kỳ hạn 10 năm giảm xuống mức 2,65% vào cuối tháng 7/2024, trong khi lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 10 năm giảm mạnh hơn xuống 4,09%, từ đó thu hẹp chênh lệch lợi suất 16 điểm cơ bản so với tháng trước, xuống mức âm 144 điểm cơ bản. Ngược lại, NHĐT NN chuyển sang bán ròng trong tháng 7/2024 với tổng giá trị 559 tỷ đồng, sau 3 tháng mua ròng liên tiếp. Điều này góp phần vào tổng giá trị mua ròng 7 tháng đầu năm 2024 đạt 219 tỷ đồng, so với mức bán ròng 4,7 nghìn tỷ đồng trong 7 tháng đầu năm 2023.

Lãi suất liên ngân hàng giảm nhưng vẫn ở mức cao

Sau khi tăng lên gần 5% vào đầu tháng, lãi suất qua đêm và kỳ hạn 1 tháng đã giảm dần vào cuối tháng 7/2024 xuống lần lượt 4,37% và 4,71%, tuy nhiên vẫn ở mức cao. Thanh khoản bình quân ngày trên thị trường liên ngân hàng tăng mạnh lên 337 nghìn tỷ đồng, mức cao nhất kể từ tháng 2/2024. Trên thị trường OMO, NHNN đã bơm 44,5 nghìn tỷ đồng vào thị trường tiền tệ trong tháng 7, nhưng lũy kế 7 tháng đầu năm 2024 vẫn rút ròng 49,6 nghìn tỷ đồng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 20/8.

Biểu đồ 1: Tóm tắt thị trường trái phiếu Chính phủ & lãi suất liên ngân hàng trong tháng 7/2024



Nguồn: CEIC, HSC

Phát hành tháng 7/2024 đạt 24% kế hoạch Q3

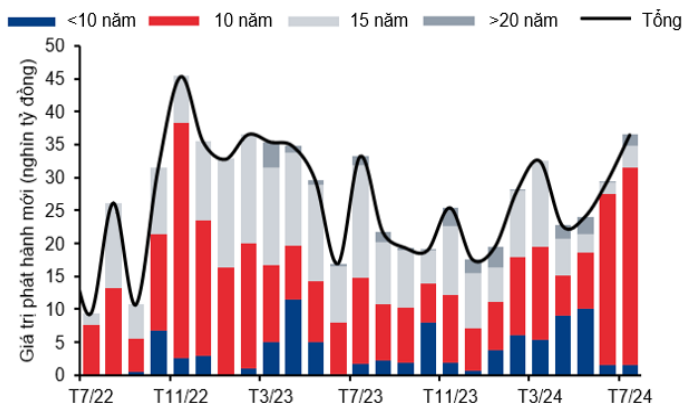
Tổng giá trị TPCP tăng mạnh 24% so với tháng trước và tăng 10% so với cùng kỳ lên 36,5 nghìn tỷ đồng. Lợi suất trung thầu bình quân ổn định ở mức 2,73%, với tỷ lệ phát hành thành công giảm xuống 57%. Trên thị trường thứ cấp, giá trị giao dịch bình quân ngày của TPCP trong tháng 7/2024 giảm 20% so với tháng trước nhưng tăng gấp đôi so với cùng kỳ đạt 11,4 nghìn tỷ đồng. Mặc dù giảm tăng 5 điểm cơ bản so với cùng kỳ, lợi suất TPCP bình quân tháng 7 giảm 4 điểm cơ bản so với tháng trước xuống 2,5%. NHNN chuyển sang bán ròng 559 tỷ đồng TPCP trong tháng 7. NHNN đã bơm 44,5 nghìn tỷ đồng vào thị trường tiền tệ trong tháng 7/2024.

Thị trường sơ cấp

Giá trị phát hành TPCP tăng trưởng mạnh trong tháng 7/2024 (tăng 24% so với tháng trước và tăng 10% so với cùng kỳ) đạt 36,5 nghìn tỷ đồng, mức cao nhất kể từ tháng 2/2023 và bằng 24% kế hoạch phát hành Q3 (150 nghìn tỷ đồng). TPCP kỳ hạn 10 năm vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tháng 7/2024 với tổng giá trị phát hành đạt 30 nghìn tỷ đồng (tăng 15% so với tháng trước, chiếm hơn 80% tổng giá trị phát hành). Tiếp theo, trái phiếu kỳ hạn 15 năm đạt 3,5 nghìn tỷ đồng, trong khi kỳ hạn 5 năm giữ nguyên mức phát hành 1,5 nghìn tỷ đồng. Đặc biệt, NHNN đã phát hành trở lại trái phiếu kỳ hạn 20 năm trong tháng 7/2024 với giá trị 1,55 nghìn tỷ đồng (Biểu đồ 2 & 3) (Mời xem Biểu đồ 19 trong phần Phụ lục).

Biểu đồ 2: Giá trị phát hành mới hàng tháng theo kỳ hạn

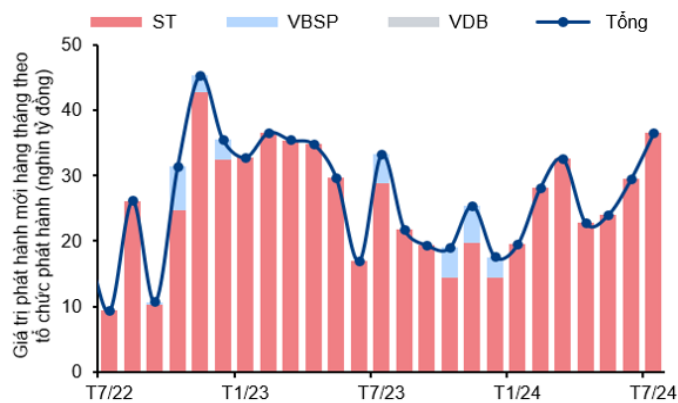
TPCP kỳ hạn 10 năm tiếp tục đóng góp chính với tổng giá trị phát hành là 30 nghìn tỷ đồng trong tháng 7



Nguồn: VBMA, HSC

Biểu đồ 3: Giá trị phát hành mới hàng tháng theo tổ chức phát hành

Toàn bộ TPCP được Kho bạc Nhà nước phát hành trong tháng thứ 7 liên tiếp



Nguồn: VBMA, HSC

Gần đây, NHNN đã công bố kế hoạch phát hành Q3/2024 tổng cộng 150 nghìn tỷ đồng, chủ yếu tập trung vào kỳ hạn 10 năm (55 nghìn tỷ đồng) và 15 năm (65 nghìn tỷ đồng). Chỉ có giá trị phát hành kỳ hạn 10 năm đã vượt kế hoạch cả năm sau khi NHNN đẩy mạnh phát hành vào tháng 6-7/2024. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2024, phát hành TPCP đạt 193 nghìn tỷ đồng, giảm 12% so với cùng kỳ so với 219,5 nghìn tỷ đồng trong 7 tháng đầu năm 2023, bằng 48% kế hoạch phát hành cả năm (Biểu đồ 4).

Bảng 4: Kế hoạch phát hành trái phiếu Chính phủ trong năm 2024

Giá trị phát hành thực tế trong 7 tháng đầu năm 2024 bằng 48% kế hoạch cả năm

| Kỳ hạn | Kế hoạch 2024 (nghìn tỷ đồng) | Kế hoạch Q3/2024 (nghìn tỷ đồng) | Thực tế T7/2024 (nghìn tỷ đồng) | % kế hoạch Q3/2024 | Thực tế T7/2024 (nghìn tỷ đồng) | % kế hoạch 2024 |
|--------|-------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|--------------------|---------------------------------|-----------------|
| 3 năm | 30.0 | 0.0 | 0.0 | 0% | 0.0 | 0% |
| 5 năm | 70.0 | 15.0 | 1.5 | 10% | 36.8 | 53% |
| 7 năm | 15.0 | 5.0 | 0.0 | 0% | 0.4 | 3% |
| 10 năm | 100.0 | 55.0 | 29.9 | 54% | 104.3 | 104% |
| 15 năm | 140.0 | 65.0 | 3.5 | 5% | 41.7 | 30% |

| | | | | | | |
|--------|-------|-------|------|-----|-------|-----|
| 20 năm | 20.0 | 5.0 | 1.6 | 31% | 5.5 | 28% |
| 30 năm | 25.0 | 5.0 | 0.1 | 1% | 4.4 | 17% |
| Tổng | 400.0 | 150.0 | 36.5 | 24% | 193.0 | 48% |

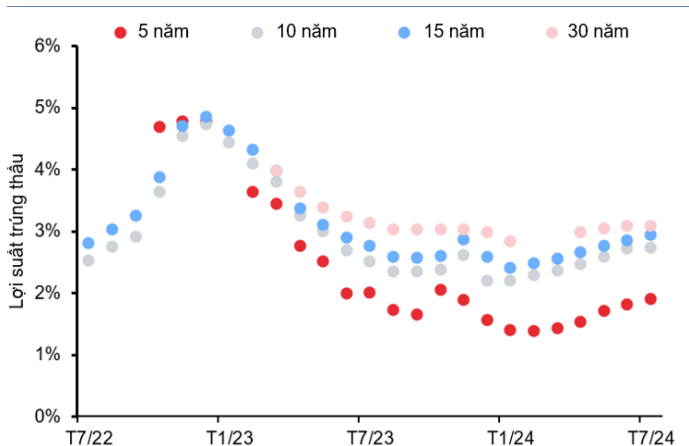
Nguồn: VBMA, HSC

Lợi suất trúng thầu bình quân tháng 7/2024 ổn định ở mức 2,73% (tăng 15 điểm cơ bản so với cùng kỳ) sau khi tăng 4 tháng liên tiếp. Lợi suất các kỳ hạn chính – 5, 10 và 15 năm – tăng nhẹ 1-8 điểm cơ bản so với tháng trước, trong khi lợi suất các kỳ hạn khác vẫn ổn định (Biểu đồ 5).

Mặt khác, tỷ lệ phát hành thành công trong tháng giảm xuống 57% (Biểu đồ 6). Trái phiếu kỳ hạn 10 năm có tỷ lệ phát hành thành công cao nhất với 64% trong tháng 7/2024. Trong khi đó, tỷ lệ phát hành thành công của trái phiếu kỳ hạn 5 năm và 15 năm tăng lên lần lượt 50% và 31% (Biểu đồ 6).

Biểu đồ 5: Biến động lợi suất trúng thầu hàng tháng (%/năm)

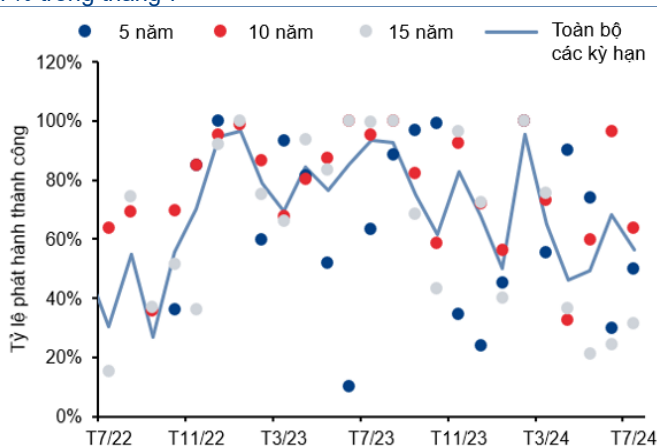
Lợi suất trúng thầu bình quân duy trì ổn định ở mức 2,73%/năm



Nguồn: VBMA, HSC

Biểu đồ 6: Trái phiếu Chính phủ: Tỷ lệ phát hành thành công

Tỷ lệ phát hành thành công của toàn bộ các kỳ hạn giảm xuống 57% trong tháng 7



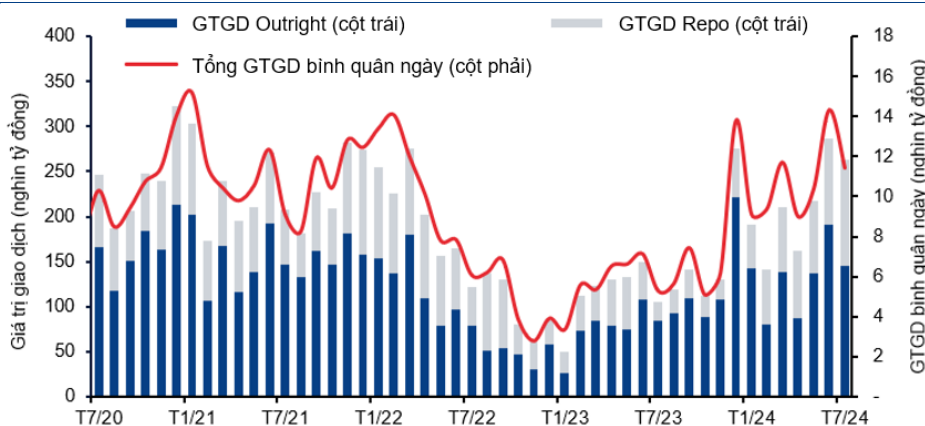
Nguồn: VBMA, HSC

Thị trường thứ cấp

Trên thị trường thứ cấp, thanh khoản bình quân ngày trong tháng 7 giảm 20% so với tháng trước nhưng tăng gấp đôi so với cùng kỳ, đạt 11,4 nghìn tỷ đồng. Thanh khoản bình quân ngày của giao dịch outright giảm 34% so với tháng trước xuống 6,3 nghìn tỷ đồng trong khi thanh khoản giao dịch repo tăng 8% so với tháng trước đạt 5,1 nghìn tỷ đồng. Do đó, tổng giá trị giao dịch TPCP trong tháng 7 đạt 263 nghìn tỷ đồng, trong đó giao dịch outright tiếp tục đóng góp chính với 145 nghìn tỷ đồng (bằng 55% tổng giá trị giao dịch) (Biểu đồ 7).

Biểu đồ 7: Giá trị giao dịch hàng tháng & thanh khoản bình quân ngày

GTGD bình quân ngày giảm 20% so với tháng trước, đạt 11,4 nghìn tỷ đồng trong tháng 7

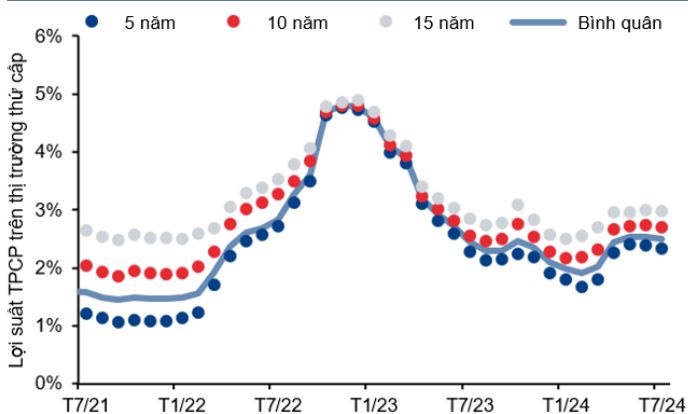


Nguồn: VBMA, HSC

Lợi suất bình quân TPCP trên thị trường thứ cấp tăng nhẹ 5 điểm cơ bản so với cùng kỳ nhưng giảm 4 điểm cơ bản so với tháng trước xuống 2,5% trong tháng 7. Trong khi lợi suất kỳ hạn dưới 15 năm giảm nhẹ từ 1-5 điểm cơ bản so với tháng trước, lợi suất của trái phiếu kỳ hạn trên 20 năm tăng nhẹ 1 điểm cơ bản so với tháng trước. So với cùng kỳ, lợi suất bình quân tại các kỳ hạn có xu hướng tăng 1-14 điểm cơ bản (Biểu đồ 8 và 9).

Biểu đồ 8: Diễn biến lợi suất trái phiếu Chính phủ

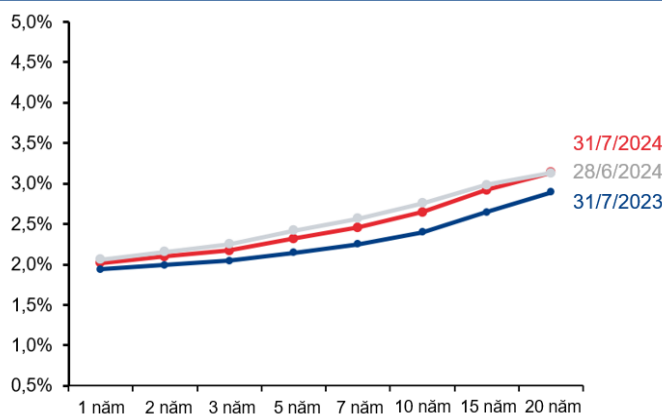
Lợi suất bình quân giảm xuống còn 2,5% trong tháng 7



Nguồn: CEIC, HSC

Biểu đồ 9: Đường cong lợi suất trái phiếu Chính phủ

Đường cong lợi suất TPCP dịch chuyển lên trên trong tháng 7



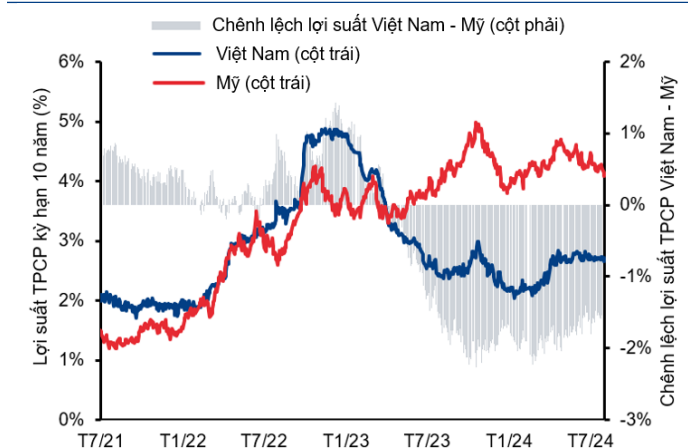
Nguồn: CEIC, HSC

Nhìn chung, so với thị trường trái phiếu chính phủ quốc tế, lợi suất TPCP Việt Nam kỳ hạn 10 năm của Việt Nam giảm 11 điểm cơ bản so với tháng trước xuống 2,65% tại thời điểm cuối tháng 7, trong khi lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 10 năm giảm mạnh hơn ở mức 27 điểm cơ bản so với tháng trước xuống 4,09%. Từ đó, chênh lệch lợi suất giữa 2 quốc gia giảm 16 điểm cơ bản so với tháng trước xuống âm 144 điểm cơ bản tại thời điểm cuối tháng 7/2024 (Biểu đồ 10).

Trong khi đó, NĐT NN chuyển sang bán ròng trong tháng 7/2024 với tổng giá trị 559 tỷ đồng, sau 3 tháng mua ròng liên tiếp, đóng góp vào tổng giá trị mua ròng 7 tháng đầu năm 2024 đạt 219 nghìn tỷ đồng, so với mức bán ròng 4,7 nghìn tỷ đồng trong 7 tháng đầu năm 2023 (Biểu đồ 11).

Biểu đồ 10: Lợi suất TPCP kỳ hạn 10 năm: Việt Nam và Mỹ

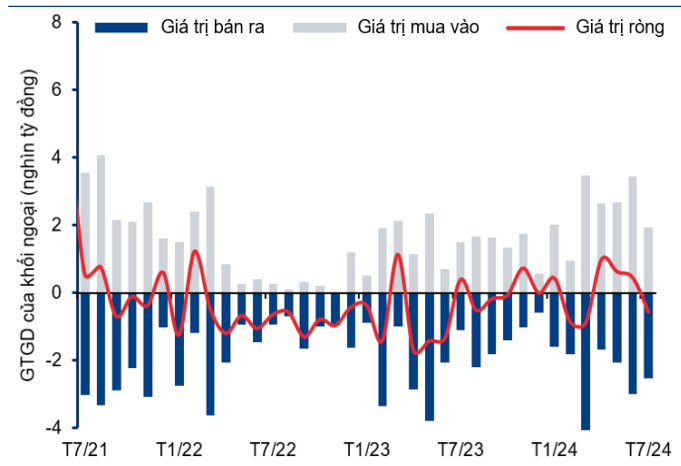
Chênh lệch lợi suất TPCP của Việt Nam và Mỹ giảm xuống âm 144 điểm cơ bản



Nguồn: CEIC, HSC

Biểu đồ 11: Giao dịch hàng tháng của khối ngoại trên thị trường thứ cấp

NĐT NN bán ròng 559 tỷ đồng trong tháng 7



Nguồn: CEIC, HSC

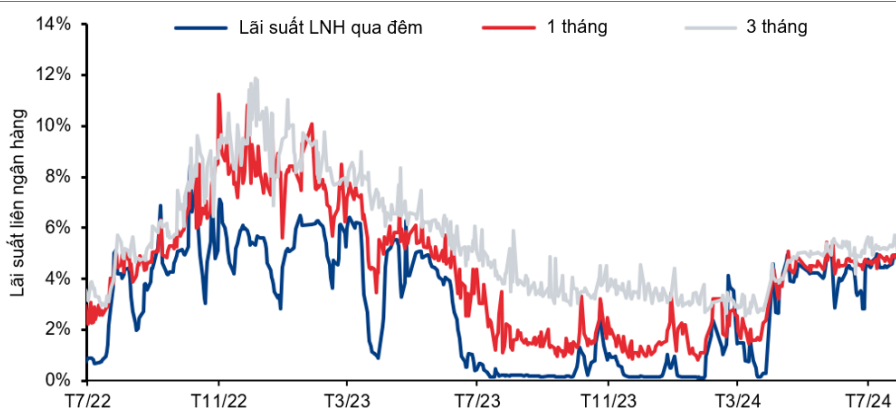
Thị trường liên ngân hàng và thị trường OMO

Thị trường liên ngân hàng

Lãi suất liên ngân hàng tại hầu hết các kỳ hạn vẫn ở mức cao vào cuối tháng 7. Sau khi tăng lên gần 5% vào đầu tháng, lãi suất qua đêm (O/N) và 1 tháng đã giảm dần vào cuối tháng 7 xuống lần lượt 4,37% (giảm 2 điểm cơ bản so với tháng trước) và 4,71% (giảm 6 điểm cơ bản so với tháng trước). Ngược lại, lãi suất kỳ hạn 3 năm vẫn ổn định ở mức 3,54% (Biểu đồ 12).

Biểu đồ 12: Lãi suất liên ngân hàng (%/năm)

Lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức cao đối với phần lớn các kỳ hạn trong tháng 7



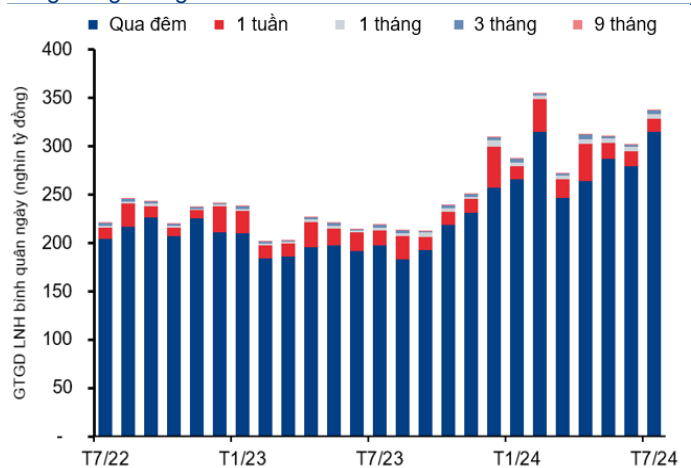
Nguồn: CEIC, HSC

Trong tháng 7/2024, thanh khoản bình quân ngày trên thị trường liên ngân hàng tăng mạnh lên 337 nghìn tỷ đồng (tăng 12% so với tháng trước và tăng 54% so với cùng kỳ), mức cao nhất kể từ tháng 2/2024. Trong đó, thanh khoản bình quân ngày của kỳ hạn qua đêm (O/N) tăng 13% so với tháng trước đạt 315 nghìn tỷ đồng, chiếm 93% tổng giá trị giao dịch hàng ngày trên thị trường liên ngân hàng (Biểu đồ 13).

Trong khi đó, lãi suất cho vay USD qua đêm (O/N) liên ngân hàng giữ nguyên ở mức 5,31% trong tháng 7, trong khi lãi suất cho vay VND qua đêm giảm nhẹ xuống 4,37% vào cuối tháng, từ đó làm chênh lệch lãi suất VND-USD thu hẹp xuống âm 94 điểm cơ bản (từ âm 91 điểm cơ bản trong tháng 6/2024) (Biểu đồ 14).

Biểu đồ 13: Giá trị giao dịch LNH bình quân ngày

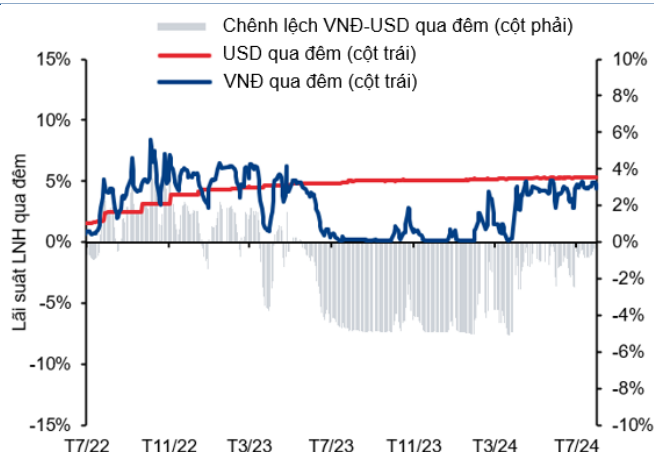
Thanh khoản liên ngân hàng bình quân ngày đạt 337 nghìn tỷ đồng trong tháng 7



Nguồn: CEIC, HSC

Biểu đồ 14: Lãi suất LNH qua đêm VND-USD (%/năm)

Chênh lệch lãi suất VND-USD liên ngân hàng đã tăng lên âm 94 điểm cơ bản



Nguồn: CEIC, HSC

Thị trường OMO

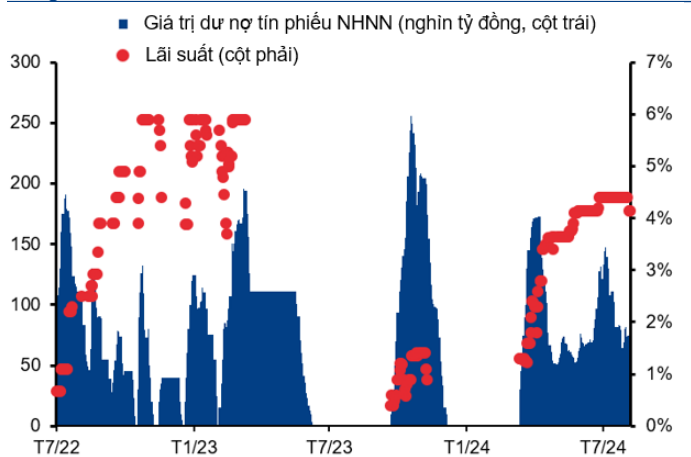
Trong tháng 7, NHNN đã phát hành tín phiếu với tổng cộng 196 nghìn tỷ đồng, tăng 61% so với tháng trước, trong khi tín phiếu đáo hạn trong tháng là 236 nghìn tỷ đồng, tương đương NHNN bơm ròng 40 nghìn tỷ đồng. Đồng thời, NHNN đã mua 180 nghìn tỷ đồng giấy tờ có giá từ các NHTM lãi suất, bù trừ với 176 nghìn tỷ đồng đáo hạn từ các hoạt động mua của NHNN, tương đương bơm ròng thêm 4,5 nghìn tỷ đồng. Sau khi giữ nguyên lãi suất đối với cả tín phiếu NHNN và mua lại đảo ngược ở mức 4,5% trong tháng 7/2024, lãi suất đã giảm 25 điểm cơ bản xuống 4,25% vào đầu tháng 8/2024 với kỳ hạn giữ nguyên là 14 ngày cho tín phiếu NHNN và 7 ngày cho giao dịch mua lại đảo ngược.

Nhìn chung, NHNN đã bơm ròng 44,5 nghìn tỷ đồng vào thị trường trong tháng 7/2024. Kể từ đầu năm, NHNN đã phát hành thành công 623 nghìn tỷ đồng tín phiếu và mua vào 514 nghìn tỷ đồng giấy tờ có giá từ các NHTM.

Tính đến cuối tháng 7/2024, tổng giá trị tín phiếu đang lưu hành (do các ngân hàng thương mại nắm giữ) đạt 81,5 nghìn tỷ đồng, trong khi tổng giá trị giao dịch mua lại đảo ngược đang lưu hành (do NHNN nắm giữ) là 32 nghìn tỷ đồng, tương đương NHNN đã rút ròng 49,6 nghìn tỷ đồng qua thị trường OMO kể từ đầu năm 2024.

Biểu đồ 15: Giá trị dư nợ tín phiếu NHNN (nghìn tỷ đồng) (biểu thị mức độ hút tiền của NHNN)

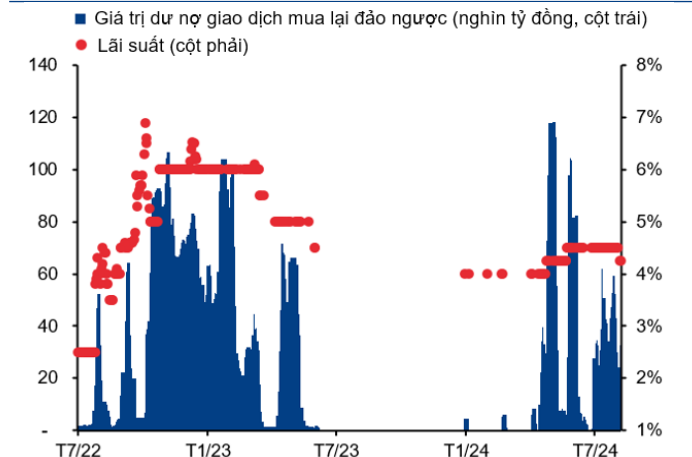
Tổng giá trị tín phiếu NHNN phát hành là 196 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh 61% so với giá trị phát hành tháng trước là 121 nghìn tỷ đồng



Nguồn: SBV, HSC

Biểu đồ 16: Giá trị dư nợ giao dịch mua lại đảo ngược (nghìn tỷ đồng) (biểu thị mức độ bơm tiền của NHNN)

NHNN mua 189 nghìn tỷ đồng giấy tờ có giá từ các NHTM trong tháng 7



Nguồn: SBV, HSC

Phụ lục

Bảng 17: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

| | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023E | 2024F | 2025F | 2026F |
|---|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Tỷ giá | | | | | | | | | |
| Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm) | 23,210 | 23,155 | 23,085 | 22,765 | 23,555 | 24,265 | 25,700 | 25,500 | 25,500 |
| Tỷ giá (VND: CNY) | 3,562 | 3,317 | 3,535 | 3,579 | 3,415 | 3,418 | 3,521 | 3,542 | 3,542 |
| GDP và việc làm | | | | | | | | | |
| Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%) | 7.47 | 7.36 | 2.87 | 2.58 | 8.10 | 5.05 | 6.20 | 6.50 | 6.50 |
| GDP (tỷ USD) | 304 | 332 | 346 | 370 | 408 | 434 | 439 | 488 | 535 |
| GDP bình quân đầu người (USD) | 3,202 | 3,398 | 3,558 | 3,757 | 4,101 | 4,324 | 4,336 | 4,775 | 5,190 |
| Tài khoản vãng lai/GDP (%) | 1.89 | 3.67 | 4.35 | -2.20 | -0.26 | 6.50 | 4.56 | 5.13 | 4.68 |
| Nợ công/GDP (%) | 46.2 | 42.8 | 43.8 | 44.7 | 38.0 | 39.8 | 40.1 | 39.2 | 38.3 |
| Nợ Chính phủ/GDP (%) | 39.5 | 37.4 | 38.5 | 39.6 | 34.7 | 36.8 | 36.8 | 36.2 | 35.6 |
| Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP) | 2.21 | 2.09 | 2.71 | 3.76 | 3.08 | 4.46 | 3.54 | 2.81 | 2.57 |
| Tổng dư nợ tín dụng / GDP | 102.9 | 106.3 | 115.0 | 124.4 | 125.3 | 132.7 | 137.7 | 142.4 | 146.8 |
| Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%) | 2.19 | 2.15 | 2.63 | 3.56 | 2.32 | 2.26 | 2.30 | 2.30 | 2.30 |
| Giá cả | | | | | | | | | |
| Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ) | 3.5 | 2.8 | 3.2 | 1.8 | 3.1 | 3.3 | 3.8 | 3.4 | 3.3 |
| CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ) | 3.0 | 5.2 | 0.2 | 1.8 | 4.5 | 3.6 | 3.2 | 3.4 | 3.3 |
| Tiền tệ và lãi suất | | | | | | | | | |
| Lãi suất điều hành (%) | 6.25 | 6.00 | 4.00 | 4.00 | 6.00 | 4.50 | 4.50 | 4.50 | 5.00 |
| Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%) | 3.9 | 1.4 | 0.2 | 0.7 | 4.4 | 0.5 | 4.5 | 4.0 | 3.0 |
| Tăng trưởng tín dụng (y/y %) | 10.7 | 13.6 | 12.2 | 13.6 | 14.2 | 13.5 | 14.5 | 14.0 | 13.0 |
| Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng) | 9,212 | 10,574 | 12,111 | 13,402 | 14,227 | 15,999 | 18,079 | 20,248 | 22,678 |
| Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ) | 12.4 | 14.8 | 14.5 | 10.7 | 6.2 | 12.5 | 13.0 | 12.0 | 12.0 |
| Dự trữ ngoại hối (tỷ USD) | 55 | 79 | 95 | 107 | 85 | 90 | 86 | 100 | 115 |
| Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%) | 6.8 | 6.8 | 5.6 | 5.5 | 7.4 | 4.8 | 5.5 | 6.0 | 6.2 |
| Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %) | 5.0 | 5.0 | 4.0 | 4.0 | 6.0 | 4.75 | 4.75 | 4.75 | 5.00 |
| Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%) | 4.4 | 2.4 | 1.2 | 1.0 | 4.6 | 1.9 | 2.7 | 3.0 | 3.2 |
| Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%) | 4.9 | 3.2 | 2.0 | 2.9 | 4.8 | 2.2 | 3.0 | 3.3 | 3.6 |
| Thương mại và kinh tế đối ngoại | | | | | | | | | |
| Cán cân thương mại (tỷ USD) | 7.2 | 10.9 | 19.9 | 3.3 | 12.1 | 28.4 | 24.2 | 27.1 | 30.1 |
| Tài khoản vãng lai (tỷ USD) | 5.8 | 12.2 | 15.1 | -8.1 | -1.1 | 28.2 | 20.0 | 25.0 | 25.0 |
| Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD) | 238 | 253 | 263 | 333 | 360 | 326 | 384 | 430 | 477 |
| Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ) | 12.5 | 6.7 | 3.7 | 26.7 | 8.0 | -9.2 | 17.5 | 12.0 | 11.0 |
| Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD) | 245 | 264 | 283 | 336 | 372 | 355 | 408 | 457 | 507 |
| Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ) | 14.5 | 8.0 | 6.9 | 18.9 | 10.6 | -4.6 | 15.0 | 12.0 | 11.0 |
| Nợ nước ngoài (tỷ USD) | 110 | 123 | 129 | 140 | 148 | 159 | 160 | 175 | 190 |
| Nợ nước ngoài/GDP (%) | 36.1 | 36.9 | 37.3 | 37.7 | 36.2 | 36.6 | 36.5 | 35.9 | 35.6 |
| Vốn FDI giải ngân (tỷ USD) | 19.1 | 20.4 | 20.0 | 19.7 | 22.4 | 23.2 | 25.3 | 28.3 | 31.1 |
| Vốn FDI cam kết (tỷ USD) | 35.5 | 38.0 | 28.5 | 31.2 | 27.7 | 36.6 | 39.9 | 43.5 | 47.8 |
| Kinh doanh & Tiêu dùng | | | | | | | | | |
| PMI ngành sản xuất (cuối năm) | 53.8 | 50.8 | 51.7 | 52.5 | 46.4 | 48.9 | 50.9 | 52.0 | 51.0 |
| Giá trị sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm) | 11.4 | 6.2 | 9.5 | 8.7 | 0.2 | 5.8 | 8.1 | 9.0 | 9.0 |
| Giá trị sx ngành chế biến chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm) | 13.7 | 7.0 | 13.1 | 10.9 | 0.6 | 7.6 | 10.0 | 10.0 | 9.5 |
| Giá trị sx ngành chế biến chế tạo hàng năm (%) | 12.3 | 10.5 | 4.9 | 6.0 | 8.0 | 3.6 | 8.0 | 8.5 | 8.5 |
| Doanh số bán lẻ TB năm (%) | 11.0 | 11.3 | -0.9 | -9.1 | 19.8 | 9.6 | 9.0 | 9.0 | 9.0 |

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân. Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm t0 = [(1 + lạm phát y/y tại thời điểm t-11) x ... x (1 + lạm phát y/y tại thời điểm t0)]^(1/12) - 1
 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Bảng 18: Lịch các sự kiện kinh tế

| Sự kiện | Ngày | Thời gian | Địa điểm | Công ty / Tổ chức |
|---|---------------------|-----------|----------|----------------------|
| Cuộc họp FOMC | 30 – 31/7/2024 | | Mỹ | Cục Dự trữ Liên bang |
| Việt Nam: PMI sản xuất (T7-24) | Thứ 5, 1/8/2024 | 0:30 UTC | Anh | IHS MARKIT |
| Số liệu vĩ mô: Giá trị sản xuất công nghiệp, doanh số bán lẻ, thương mại (T8-24) | Thứ 5, 29/8/2024 | | Hà Nội | Tổng Cục Thống kê |
| Việt Nam: PMI sản xuất (T8-24) | Thứ 3, 3/9/2024 | 0:30 UTC | Anh | IHS MARKIT |
| Số liệu vĩ mô: CPI (T8-24) | Thứ 6, 6/9/2024 | | Hà Nội | Tổng Cục Thống kê |
| Cuộc họp FOMC (với bản tóm tắt các dự báo kinh tế) | 17- 18/9/2024 | | Mỹ | Cục Dự trữ Liên bang |
| Việt Nam: PMI sản xuất (T9-24) | Thứ 3, 1/10/2024 | 0:30 UTC | Anh | IHS MARKIT |
| Q3/2024: GDP, giá trị sản xuất công nghiệp, CPI, doanh số bán lẻ, thương mại (T9-24) | Chủ nhật, 6/20/2024 | | Hà Nội | Tổng Cục Thống kê |
| Số liệu vĩ mô: Giá trị sản xuất công nghiệp, doanh số bán lẻ, thương mại (T10-24) | Thứ 3, 29/10/2024 | | Hà Nội | Tổng Cục Thống kê |
| Việt Nam: PMI sản xuất (T10-24) | Thứ 6, 1/11/2024 | 0:30 UTC | Anh | IHS MARKIT |
| Số liệu vĩ mô: CPI (T10-24) | Thứ 4, 6/11/2024 | | Hà Nội | Tổng Cục Thống kê |
| Cuộc họp FOMC | 6 – 7/11/2024 | | Mỹ | Cục Dự trữ Liên bang |
| Số liệu vĩ mô: Giá trị sản xuất công nghiệp, doanh số bán lẻ, thương mại (T11/24) | Thứ 6, 29/11/2024 | | Hà Nội | Tổng Cục Thống kê |
| Việt Nam: PMI sản xuất (T11/24) | Thứ 2, 2/12/2024 | 0:30 UTC | Anh | IHS MARKIT |
| Số liệu vĩ mô: CPI (T11/24) | Thứ 6, 6/12/2024 | | Hà Nội | Tổng Cục Thống kê |
| Cuộc họp FOMC (với bản tóm tắt các dự báo kinh tế) | 17 – 18/12/2024 | | Mỹ | Cục Dự trữ Liên bang |
| Việt Nam: PMI sản xuất (T12/24) | Thứ 4, 1/1/2025 | 0:30 UTC | Anh | IHS MARKIT |
| Q4/2024: GDP, giá trị sản xuất công nghiệp, CPI, doanh số bán lẻ, thương mại (T12-24) | Thứ 2, 6/1/2025 | | Hà Nội | Tổng Cục Thống kê |

Nguồn: Markit, Fed, Cục Hải quan Việt Nam, HSC

Bảng 19: Trái phiếu Chính phủ phát hành trong tháng 7

| Ngày phát hành | Kỳ hạn | Giá trị chào bán (tỷ đồng) | GT đấu thầu (tỷ đồng) | GT trúng thầu (tỷ đồng) | Lãi suất (%/năm) |
|----------------|--------|----------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------|
| 3-7-24 | 5 | 500 | 600 | - | - |
| 3-7-24 | 10 | 15,000 | 17,493 | 11,487 | 2.74 |
| 3-7-24 | 15 | 1,000 | 1,800 | - | - |
| 3-7-24 | 20 | 500 | 100 | - | - |
| 10-7-24 | 5 | 500 | 1,000 | - | - |
| 10-7-24 | 10 | 10,000 | 7,256 | 5,405 | 2.74 |
| 10-7-24 | 15 | 1,000 | 1,800 | 700 | 2.95 |
| 10-7-24 | 30 | 500 | 100 | - | - |
| 17-7-24 | 5 | 500 | 1,000 | - | - |
| 17-7-24 | 10 | 8,000 | 7,901 | 6,800 | 2.76 |
| 17-7-24 | 15 | 3,000 | 4,650 | 1,750 | 2.95 |
| 17-7-24 | 20 | 500 | 700 | 500 | 2.98 |
| 24-7-24 | 5 | 500 | 1,500 | 500 | 1.90 |
| 24-7-24 | 10 | 7,000 | 8,151 | 2,300 | 2.76 |
| 24-7-24 | 15 | 3,000 | 2,700 | 1,000 | 2.96 |
| 24-7-24 | 20 | 1,500 | 1,750 | 1,050 | 2.98 |
| 31-7-24 | 5 | 1,000 | 2,000 | 1,000 | 1.94 |
| 31-7-24 | 10 | 7,000 | 6,401 | 3,950 | 2.76 |
| 31-7-24 | 15 | 3,000 | 2,250 | - | - |
| 31-7-24 | 30 | 500 | 170 | 70 | 3.10 |

Nguồn: VBMA, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn